

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 – ĐỀ 1
MÔN: TIẾNG ANH 5 GLOBAL SUCCESS

I. Listen and choose the best picture.

1. What will they have at the party?



A.



B.



C.

2. How often does his mother do yoga?

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
✓		✓		✓		

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
✓		✓				

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

3. What's the matter with the girl?



A.



B.



C.

4. What did Peter do last week?



A.



B.



C.

II. Listen and complete each sentences below with ONLY ONE word/number.

1. They are going to the island by _____.
2. The island's name is _____.
3. There are _____ kinds of birds on the island.
4. They can see _____ from the beach.
5. They will have _____ and salad for lunch.

III. Choose the correct answers.

1. Did you _____ any souvenirs on the trip last month?
A. bought B. buy C. buying
2. What _____ to celebrate Lunar New Year?
A. you will do B. will you do C. do will you
3. _____ does she stay healthy? – She never stays up late.
A. What B. When C. How
4. You should _____ a rest.
A. take B. taking C. takes
5. I and and my brothers always _____ our house before Tet.
A. watch B. have C. decorate

IV. Read and choose.

Yesterday, Peter went to a birthday party at his friend's house. The party was amazing! There were balloons, music, and lots of games to play. Peter's favourite part was the delicious food. He ate lots of chips, cookies, and a big slice of cake. He also had two big cups of milk tea! Peter had a great time and didn't want the party to end.

Today, Peter isn't feeling well. He has a stomach ache, and he can't eat his breakfast. Peter's mum thinks he should go to the doctor. The doctor gives Peter some medicine. Then, Peter drinks warm water and has a rest. Later, Peter feels better. Peter says he will not eat too much next time!

1. What did Peter like about the party?
A. The music B. The games
C. The food

2. What did Peter drink at the party?
A. Warm water.
B. Fruit juice.
C. Milk tea.

3. What's the matter with Peter today?
A. He has a stomachache.
B. He has a toothache.
C. He has a sore throat.

4. What does the doctor give Peter?
A. Some medicine.
B. Healthy food.
C. Warm water.

5. Peter says next time, he _____.
A. will not eat too much
B. will not go to parties
C. will go to bed early

V. Put the words in the correct order.

1. for / How / he / walk / does / often / go / ?

2. on / beach / my / sister / the / I / walked / .

3. you / a / Will / visit / Tet / pagoda / at / ?

4. Day / Teachers' / on / songs / They / will / sing / .

5. wash / hands / You / eating / should / your / before / .

• **Hướng dẫn:**

I. Listen and choose the best picture.

Phương pháp giải:

- Đọc câu hỏi, gạch chân các từ khoá, xác định thông tin cần tìm.
- Nghe bài nghe, chú ý vào những thông tin cần tìm.
- Đối chiếu thông tin nghe được để chọn đáp án đúng.

Bài nghe:

1.

A: Children's Day is coming. We'll have a big party with lots of food.

B: Will you have pizza and chips?

A: No, we won't. We'll have burgers and some fruit.

B: Will you drink milk tea?

A: No, we won't.

2.

A: My mother stays healthy by doing yoga.

B: Does she do yoga every day?

A: No, she doesn't. She's busy. She does yoga twice a week on Mondays and Wednesdays.

3.

A: Oh, you look tired. What's the matter?

B: I feel pain in my head. I think I have a headache.

A: I'm sorry to hear that. Now you should take a rest.

4.

A: Where were you last weekend, Peter?

B: It was rainy, so I didn't go outside. I was at home and watched a film about farm animals. But the film...

Tạm dịch:

1.

A: Ngày Quốc tế Thiếu nhi sắp đến rồi. Chúng ta sẽ tổ chức một bữa tiệc lớn với nhiều đồ ăn.

B: Các bạn có pizza và khoai tây chiên không?

A: Không, chúng tôi không có. Chúng tôi sẽ có bánh mì kẹp thịt và một ít trái cây.

B: Các bạn có uống trà sữa không?

A: Không, chúng tôi không uống.

2.

A: Mẹ tôi giữ sức khỏe bằng cách tập yoga.

B: Bà ấy tập yoga mỗi ngày à?

A: Không, bà ấy không tập mỗi ngày. Bà ấy rất bận rộn. Bà ấy tập yoga hai lần một tuần vào thứ Hai và thứ Tư.

3.

A: Ôi, trông bạn có vẻ mệt. Có chuyện gì vậy?

B: Tôi cảm thấy đau đầu. Tôi nghĩ tôi bị nhức đầu.

A: Tôi rất tiếc khi nghe điều đó. Bây giờ bạn nên nghỉ ngơi đi.

4.

A: Cuối tuần trước, Peter, bạn đã ở đâu vậy?

B: Trời mưa, nên tôi không ra ngoài. Tôi ở nhà và xem một bộ phim về các loài động vật ở trang trại. Nhưng bộ phim...

II. Listen and complete each sentences below with ONLY ONE word/number.

Phương pháp giải:

- Đọc câu hỏi, xác định loại từ cần điền vào chỗ trống.
- Nghe bài nghe, chú ý vào những thông tin cần tìm.
- Chọn lọc ra **duy nhất một từ** thích hợp, cả về mặt nghĩa và ngữ pháp, để điền vào chỗ trống.

Bài nghe:

Ms. Wall: Everyone get on the boat, please. We're going to the island now.

Student: Going on a trip is so exciting Ms Wall.

Ms. Wall: Yes, it is. Do you like going by boat?

Student: Yes, I love sailing and boats. What's the island called. Miss?

Ms. Wall: BAT island. B-A-T, because a lot of them live there.

Student: Oh Are there many kinds of animals on the island?

Ms. Wall: Well, this book says 27 kinds of birds live on it.

Student: 27 different kinds?

Ms. Wall: Yes.

Student: Can we go swimming Ms Wall?

Ms. Wall: No the water's too cold now. But we can watch the dolphins swimming/ **Student:**
Dolphin? Where?

Ms. Wall: At the beach!

Student: What about lunch?

Ms. Wall: We've got sandwiches and salad for everyone.

Student: Great! Sandwiches and salad, my favorite